

Số: 151/2020/QĐST - HNGĐ

Đồng Hồ, ngày 07 tháng 12 N 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 240/2020/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 11 N 2020 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị D, sinh N 1992

+ **Bị đơn:** Anh Dương Văn N, sinh N 1986

Cùng nơi cư trú: Xóm LP, xã VL, huyện ĐH, tỉnh TN.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 N 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 N 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị D và anh Dương Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị D và anh Dương Văn N thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung:** Chị D và anh N có 03 con chung là Dương Văn B, sinh ngày 16/11/2011, Dương Thị T, sinh ngày 04/4/2012 và Dương Văn Q, sinh

ngày 12/6/2013. Các đương sự thống nhất: Anh N sẽ trực tiếp nuôi 03 con chung là Dương Văn B, Dương Thị T, Dương Văn Q. Chị D cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi người con 700.000đ/ 1 tháng (bảy trăm nghìn đồng một tháng), cả ba con là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng một tháng), kể từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Trường hợp chị D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các bên đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất. Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh N có đơn yêu cầu thi hành, nếu chị D chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20% N của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ **Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về án phí:** Chị Hoàng Thị D và anh Dương Văn N thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã VL, huyện ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị An

